| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2026/DS-ST

Ngày: 29/5/2026

"*V/v Tranh chấp về hợp dân sự vay tài sản".*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nghiêm Văn H

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị V

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Hà Thị Kim Q – Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** bà Hà Thị P - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1976; Trú tại: thôn 6B, xã Đạ Tẻh 2, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984

Trú tại: số 65, đường Hùng Vương, thôn 12, xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Lê Nguyễn T, sinh năm: 1989

Trú tại: số 02, đường Hùng Vương, thôn 4, xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

*(Ông B, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần hai không lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn B (ông B) trình bày:* Do vợ chồng ông B có quan hệ biết với ông T nên ông T giới thiệu ông H đến ông B để vay tiền. Ngày 17/10/2025 ông B có cho ông H vay số tiền là: 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 04 ngày; không thỏa thuận lãi; mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Hết thời hạn vay ông B nhiều lần yêu cầu ông H trả nhưng ông H vẫn không trả.

Nay ông B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho ông B số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Tại thời điểm hai bên giao dịch vay mượn tiền có ông T là người chứng kiến việc vay mượn giữa hai bên, ông T không trực tiếp nhận tiền vay từ ông B, cũng không sử dụng tiền vay, toàn bộ số tiền trên là ông H vay để đáo hạn ngân hàng. Ông B xin rút yêu cầu khởi kiện của đối với ông T.

*Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ ông T trình bày*: ông T có quen biết bà Trang vợ ông B và có quen biết ông H, do ông H có nhu cầu vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên ông T đã giới thiệu hai bên cho nhau. Sau khi thỏa thuận thì hai bên thực hiện giao dịch vay mượn ông H vay của ông B số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*), ông T có chứng kiến việc vay mượn giữa hai bên. Ngoài ra ông T không liên quan đến số tiền mà ông H vay của ông B. Ông T không trình bày gì thêm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông H đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/4/2026 ông H đã có mặt làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án đồng thời xác nhận ngày 17/10/2025 có vay của ông Nguyễn Văn B số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó ông H không vay ngân hàng lại được nên ông H không trả đúng hẹn cho ông B được, do khó khăn nên chưa trả tiền đã vay của ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu trả tiền đã vay là 2.600.000.000đ ông H mong muốn được trả dần và đề nghị ông B rút đơn khởi kiện. Cuối buổi làm việc ông H đã bỏ về và không ký xác nhận vào biên bản làm việc ngày 14/4/2026 nên vụ án không hòa giải thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, phiên tòa được tiến hành đúng trình tự, thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Ông B và ông T đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, ông T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng; quan hệ tranh chấp được Tòa án xác định "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" là phù hợp.

Đối với yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông Lê Nguyễn T trong vụ án này, xét việc rút yêu cầu khởi kiện của ông B là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với ông T.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông B khởi kiện bị đơn H và ông T yêu cầu trả số tiền vay, ông H và ông T đều có địa chỉ cư trú tại: xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Quá trình tố tụng: nguyên đơn ông B yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện của đối với ông Lê Nguyễn T trong vụ án này, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông B là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn ông B, bị đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào các ngày 17/10/2025 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B:

+ Về tiền gốc vay: ông B khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền đã vay là 2.600.000.000đ, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 17/10/205 (các bên xác nhận ngày 17/10/2025) có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn H thể hiện ông H vay của ông B số tiền 2.600.000.000đ; nội dung vay để đáo hạn ngân hàng; thời gian vay là bốn ngày. Nguyên đơn xác nhận đến thời điện hiện tại ông H chưa trả tiền gốc vay. Như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H để ông H được biết và thực hiện quyền của mình. Ngày 14/4/2026 ông H đã có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải theo giấy triệu tập của tòa án đồng thời ông H xác nhận ngày 17/10/2025 có vay của ông Nguyễn Văn B số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó ông H không vay ngân hàng lại được nên ông H không trả đúng hẹn cho ông B, do khó khăn nên ông H chưa trả tiền đã vay cho ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu trả tiền đã vay là 2.600.000.000đ ông H mong muốn được trả dần và đề nghị ông B rút đơn khởi kiện. Cuối buổi làm việc ông H đã bỏ về và không ký xác nhận vào biên bản làm việc ngày 14/4/2026 nên vụ án không hòa giải thành. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với tiền lãi: Ông B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thuờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Văn B số tiền 2.600.000.000đ (*Hai tỷ sáu trăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.*

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B đối với bị đơn ông Lê Nguyễn T.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 84.000.000đ (*Tám mươi bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.000.000đ (bằng chữ: Bốn mươi hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001710 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nghiêm Văn Hải**